

Bản án số: 236/2023/HS-ST

Ngày: 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Tính

2. Bà Nguyễn Thị Nở

3. Ông Phạm Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1912/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L; giới tính: nữ; sinh năm: 1955 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 338/9 ADV, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông NVM (chết) và bà NTP (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/01/2022 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1954 (đã chết) có đại diện hợp pháp là: ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 1983 và ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1981.

Cùng cư trú: 283/29/10 BS, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Trần Thị L1, sinh năm: 1953

Cư trú: 219/13A DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1962
Cư trú: 59/33 (số cũ 59/31B) TP, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Ông Triệu H, sinh năm: 1953
Cư trú: 69 Đường số A, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5. Bà Triệu Huệ K, sinh năm: 1962
Cư trú: 185 HVB, Phường MM, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1930
Cư trú: 303/18 TBT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Bà Lý Thị H1, sinh năm: 1959
Cư trú: 925/13 HG, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8. Bà Lý Thị P, sinh năm: 1956
Cư trú: 303/18 (số cũ 281/2B) TBT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

9. Bà Lý Thị H2, sinh năm: 1965
Cư trú: 55 Đường số A, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

10. Bà Lý Thị D, sinh năm: 1953
Cư trú: 55 Đường số A, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

11. Bà Lưu M, sinh năm: 1961
Cư trú: 358/14 BL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm: 1969
Cư trú: 338/6 ADV, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1956
Cư trú: 338/35 (số cũ 340/32) ADV, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

14. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1937
Cư trú: 281/4B TBT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

15. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1963
Cư trú: 71/12 TP, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bào chữa:

Bà TGH – Luật sư Văn phòng luật sư TĐ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1984, Nguyễn Thị L bắt đầu làm chủ hội cho nhiều hội viên tham gia, chủ yếu là mở các dây hội ngày, hội tuần, hội tháng. Theo L khai đến khoảng giữa năm 1993 thì L bẻ hội, nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách lập ra các dây hội tháng, tuần, ngày. Trong các dây hội này có dây hội không đủ hội viên tham gia (dây hội ma) và L kê khống cho đủ số người chơi hội trong 01 dây hội để hội viên tin tưởng tham gia các dây hội do L tổ chức. Đến tháng 5/1994, L chiếm đoạt tiền của các hội viên rồi bỏ trốn. Cụ thể Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt của 15 bị hại sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị T: Năm 1992, bà T tham gia chơi dây hội ngày do L tổ chức, dây hội ấn định 42 ngày kết thúc, mỗi phần là 100.000 đồng (mỗi ngày đóng 100.000 đồng). Trong 18 ngày đầu tiên lãi một ngày là 10.000 đồng, ngày thứ 19 trở về sau tiền lãi mỗi ngày là 5.000 đồng. Như vậy, 01 phần hội hót đầu là 3.590.000 đồng, hót chót thì được 4.000.000 đồng. Thời gian này, có nhiều hội viên tham gia và muốn hót hội đầu, nhưng L không có tiền, nên nói dối bằng việc hỏi mượn tiền của bà T để giao lại cho các hội viên khác và số tiền của bà T sẽ được L trả bằng cách choàng hội, L sẽ trả lại cho bà T như hội viên tham gia chơi hội. Tổng cộng, bà T đã tham gia được 78 phần hội ngày với L. Đến đầu năm 1994, L hỏi bán hội (choàng hội) của bà T 62 phần hội ngày. Tổng cộng, bà T đưa cho L số tiền 502.600.000 đồng tương đương với 140 phần hội (bà T có làm bảng thống kê kèm theo).

Ngoài ra, bà T còn tham gia chơi 30 phần hội ngày (mỗi ngày đóng 100.000 đồng) và 02 phần hội tháng với L. Bà T đã đóng hội ngày được 42 ngày với tổng số tiền hội ngày của 30 phần là 114.150.000 đồng, 02 phần hội tháng đã đóng được 11 tháng với tổng số tiền là 9.240.000 đồng. Tổng cộng, tiền Nguyễn Thị L chiếm đoạt của bà T là 625.990.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị L1: Bà L1 tham gia 01 phần hội ngày, đã đóng cho L được 41 ngày mỗi dây với số tiền đóng mỗi ngày là 135.000 đồng, tổng cộng 5.535.000 đồng nhưng L không giao tiền cho bà L1.

Ngoài ra, L còn choàng hội của bà L1 để giao cho các hội viên khác, gồm: hội 42 ngày, ngày khai hội 18/02/1994 đến ngày 31/3/1994. Bà L1 cho bà L bán hội (choàng hội) 25 phần hội ngày, mỗi phần là 360.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng. L đã đưa cho bà L1 775.000 đồng và chiếm đoạt 8.225.000 đồng. Sau đó, bà L1 tham gia chơi tiếp 100 phần hội ngày, mỗi phần là 360.000 đồng, bà L1 đã giao cho L 36.000.000 đồng; L choàng 01 phần hội 15 ngày của bà L1 với số tiền 13.680.000 đồng, L đã đưa lại cho bà L1 810.000 đồng và chiếm đoạt 12.870.000 đồng; bà L1 tham gia 01 phần hội nửa tháng, đưa cho L số tiền 2.080.000 đồng; tham gia 01 phần hội tháng, đưa cho L 11.680.000 đồng,

L đưa lại cho bà L1 660.000 đồng và chiếm đoạt 11.020.000 đồng; tham gia 03 phần hội tháng và đưa cho L 12.570.000 đồng, L đưa lại cho bà L1 750.000 đồng và chiếm đoạt 11.820.000 đồng; tham gia 01 phần hội tháng và đã đưa cho L 1.120.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà L1 là 88.670.000 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Thu H3: Bà H3 tham gia chơi 01 phần hội tháng, đóng cho L được 11 tháng là 5.500.000 đồng. L đưa lại cho bà H3 2.500.000 đồng và chiếm đoạt 3.000.000 đồng.

4. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lê Thị N: Bà N tham gia chơi 01 phần hội tháng, đã đưa cho L được 10 tháng với số tiền 4.000.000 đồng và 01 phần hội ngày với số tiền 6.417.000 đồng, tổng số tiền L chiếm đoạt của bà N là 10.417.000 đồng.

5. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị L2: Bà L2 tham gia chơi 01 phần hội ngày, đã đóng cho L được 42 ngày, với tổng số tiền là 1.800.000 đồng và bị L chiếm đoạt.

6. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Triệu H: Ông H tham gia chơi 01 phần hội tháng, đã đưa cho L 760.000 đồng và tham gia 01 phần hội ngày, ông H đóng hội ngày được 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng. Tổng cộng, số tiền L đã chiếm đoạt của ông H là 8.140.000 đồng.

7. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị H4: Bà H4 cùng 02 người con là bà Trần Thị Như Liên và bà Trần Thị Bích Liên tham gia 01 phần hội tháng với số tiền là 4.120.000 đồng; 03 phần hội tuần với số tiền 3.102.000 đồng; 01 phần hội tháng với số tiền 740.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà H4 là 7.962.000 đồng.

8. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Triệu Huệ K: Bà K tham gia 01 phần hội tháng, đóng cho L 11 tháng với số tiền 4.340.000 đồng; 01 phần hội ngày, đã đóng 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà K là 11.720.000 đồng.

9. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị T1: Bà T1 tham gia 01 phần hội ngày, đóng cho L được 41 ngày với số tiền 3.690.000 đồng. Ngoài ra, L còn bán hội (choàng hội) cho bà T1 với số tiền 738.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà T1 là 4.428.000 đồng.

10. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lý Thị H1: Bà H1 tham gia chơi 01 phần hội ngày, bà H1 đã đóng được 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng và bị L chiếm đoạt.

11. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lý Thị P: Bà P tham gia chơi 01 phần hội tháng, đã đóng cho L số tiền 1.036.000 đồng và 01 phần hội ngày, bà P đóng cho L được 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà P là 8.416.000 đồng.

12. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lý Thị H2: Bà H2 tham gia chơi 01 phần hội tháng, đã đóng cho L số tiền 1.036.000 đồng và phần hội ngày, bà H2

đóng cho L được 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà H2 là 8.416.000 đồng.

13. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lý Thị D: Bà L Thị D tham gia chơi 01 phần hội tháng, đã đóng cho L số tiền 760.000 đồng và 01 phần hội ngày, bà D đã đóng cho L được 41 ngày với số tiền 7.380.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà D là 8.140.000 đồng.

14. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Lưu M: Bà M tham gia chơi 01 phần hội ngày do Nguyễn Thị L tổ chức, mỗi ngày đóng 180.000 đồng. Bà M đã đóng cho L được 41 ngày với tổng số tiền là 7.380.000 đồng.

15. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị D1: Bà Nguyễn Thị D1 tham gia chơi hội do L tổ chức, bà D1 đã đóng cho L được số tiền 2.700.000 đồng và bị L chiếm đoạt.

Ngày 14/10/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và truy nã đối với Nguyễn Thị L, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Ngày 17/01/2022, Nguyễn Thị L bị Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo Quyết định truy nã. Nguyễn Thị L khai trong thời gian trốn truy nã, bà L sống lang thang không nơi cư trú nhất định và không phạm tội mới.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Đồng thời, L khai do sổ sách ghi hội đã thất lạc, nên L không xác định được 15 hội viên nêu trên tham gia từng dây hội cụ thể nào, chơi cùng với ai, dây hội mở ngày nào, kết thúc ngày nào và các kỳ đóng bao nhiêu tiền... L cũng không xác định được 15 hội viên trên tham gia vào dây hội ma nào do L tổ chức. L chỉ xác định được số tiền thực tế mà L đã chiếm đoạt của 15 hội viên như trên.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 năm tù đến 14 năm tù.

- Về bồi thường dân sự đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến:

- Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố đối với bị cáo.

- Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xem xét các tình tiết sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa cũng hứa tác động gia đình để sớm bồi thường cho các bị hại. Bị cáo gần 70 tuổi, nhiều bệnh nền nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên phạt bị cáo mức án khoan H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ áp dụng pháp luật: Bị cáo Nguyễn Thị L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố vào khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 1994, là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1985 đang có hiệu lực thi hành. Theo đó, khoản 3 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc chung thân. Như vậy, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định hình phạt nhẹ hơn so với khoản 3 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1985, là quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo.

[3] Về nội dung vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản ghi lời khai bị hại và các biên bản hoạt động điều tra khác...có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Thị L bắt đầu làm chủ hội từ năm 1984 đến giữa năm 1993 thì bị bẻ hội. Để có tiền, L đã lập ra các dây hội ma (gồm hội ngày, hội tuần, hội tháng, số tiền hội dao động từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng với lãi suất khác nhau từ 5% đến 26%) và kê khống số người tham gia chơi hội trong dây hội để các hội viên tưởng thật nên tham gia vào các dây hội do L tổ chức. Đến tháng 5/1994, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt tiền hội của 15 bị hại, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị T tham gia 02 phần hội tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng 11 tháng và 30 phần hội ngày (100.000 đồng/ngày), đã đóng 41 ngày. Ngoài ra,

bà T còn nhiều lần choàng hụi cho L, hiện L còn thiếu 105 phần (3.590.000 đồng/phần). Tổng cộng bà T đóng hụi cho L 500.340.000 đồng.

Bà Trần Thị L1 tham gia 01 phần hụi ngày (135.000 đồng/ngày), đã đóng 41 ngày và 20 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng 03 tháng. Ngoài ra, bà L1 còn giúp L nhiều lần choàng hụi với các dây hụi khác nhau gồm: 01 phần hụi 360.000 đồng/ngày, đã đóng 125 ngày; 06 phần hụi 200.000 đồng/ngày, đã đóng 14 ngày và 02 phần hụi nửa tháng 200.000 đồng/kỳ, đã đóng 06 kỳ. Tổng cộng bà L1 đã đóng hụi cho L 88.670.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H3 tham gia 01 phần hụi tháng, đã đóng được 11 tháng, tổng cộng 5.500.000 đồng. L đã trả được 2.500.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 3.000.000 đồng.

Bà Lê Thị N tham gia 01 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng được 10 tháng và 23 phần hụi ngày (10.000 đồng/ngày), đã đóng 31 ngày. Tổng cộng bà N đã đóng cho L 10.417.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L2 tham gia 01 phần hụi ngày (50.000 đồng/ngày), đã đóng được 40 ngày, tổng cộng 1.800.000 đồng.

Ông Triệu H tham gia 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng được 41 ngày và 01 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng được 02 tháng. Tổng cộng ông H đã đóng hụi cho L được 8.140.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H4 tham gia 13 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng được 01 tháng và 03 phần hụi tháng (200.000 đồng/tháng), đã đóng được 06 tháng, tổng cộng 7.962.000 đồng.

Bà Triệu Huệ K tham gia 01 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng được 11 tháng và 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), tổng cộng 11.720.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T1 tham gia 01 phần hụi ngày (100.000 đồng/ngày), đã đóng 41 ngày và choàng 01 phần hụi 41 ngày (20.000 đồng/ngày), tổng cộng 4.428.000 đồng.

Bà Lý Thị H1 tham gia 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng 41 ngày, tổng cộng 7.380.000 đồng.

Bà Lý Thị P tham gia 01 phần hụi tháng (200.000 đồng/tháng), đã đóng được 06 tháng và 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng được 41 ngày, tổng cộng 8.416.000 đồng.

Bà Lý Thị H2 tham gia 01 phần hụi tháng (200.000 đồng/tháng), đã đóng được 06 tháng và 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng được 41 ngày, tổng cộng 8.416.000 đồng.

Bà Lý Thị D tham gia 01 phần hụi tháng (500.000 đồng/tháng), đã đóng được 02 tháng và 01 phần hụi ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng được 41 ngày, tổng cộng 8.140.000 đồng.

Bà Lưu M tham gia 01 phần hội ngày (200.000 đồng/ngày), đã đóng được 41 ngày, tổng cộng 7.380.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D1 tham gia đóng hội được 2.700.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền hội trên, L đã bỏ trốn, đến ngày 17/01/2022 thì bị bắt truy nã.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về số tiền chiếm đoạt, cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo L chiếm đoạt số tiền choàng hội của bà Trần Thị T tổng cộng 140 phần tương đương 502.600.000 đồng. Tuy nhiên, theo “*Đơn tố cáo*” của bà T (Bút lục 45 – 46) và “*Bản thống kê chàng hội*” của bà T (Bút lục 55 – 62) thì tính đến ngày 29/4/1994 L còn thiếu của bà Thành 105 phần choàng hội tương đương 376.950.000 đồng. Do đó, xác định bị cáo đã chiếm đoạt của bà Trần Thị T tổng cộng số tiền 500.340.000 đồng.

Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bằng thủ đoạn gian dối lập ra các dây hội ma khiến các bị hại tin tưởng chuyển cho bị cáo tổng cộng 678.909.000 đồng sau đó chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, hiện nay đã 68 tuổi nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt như lời bào chữa của luật sư là có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng Đ và ông Nguyễn Hoàng P (con bà Trần Thị T) yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 503.930.000 đồng; bà Trần Thị L1 yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 88.670.000 đồng; bà Lê Thị N yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 12.130.000 đồng. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Thu H3 yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L2 yêu cầu hoàn trả số tiền 1.800.000 đồng; bà Nguyễn Thị H4 yêu cầu hoàn trả số tiền 7.962.000 đồng; bà Nguyễn Thị D1 yêu cầu hoàn trả số tiền 2.700.000 đồng. Xét số tiền trên là phù hợp với số tiền bị chiếm đoạt và bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với các yêu cầu bồi thường quy đổi thành vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt gồm: ông Triệu H yêu cầu bồi thường số tiền 140.000.000 đồng, bà Triệu Huệ K yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu bồi thường số tiền 77.000.000 đồng; bà Lý Thị H1 yêu cầu bồi thường số tiền

129.000.000 đồng; bà Lý Thị P yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000 đồng; bà Lý Thị H2 yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000 đồng; bà Lý Thị D yêu cầu bồi thường số tiền 140.000.000 đồng; bà Lưu M yêu cầu bồi thường số tiền 129.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét, khi các ông bà tham gia chơi hụi với bị cáo đều quy ước giao dịch bằng tiền đồng nên không có căn cứ buộc bị cáo bồi thường theo giá vàng do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền thực tế các ông bà bị chiếm đoạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: **Nguyễn Thị L** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2022.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng Đ và ông Nguyễn Hoàng P số tiền 503.930.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị L1 số tiền 88.670.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H3 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị N số tiền 12.130.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 1.800.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho ông Triệu H số tiền 8.140.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 7.962.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Triệu Huệ K số tiền 11.720.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 4.428.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lý Thị H1 số tiền 7.380.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lý Thị P số tiền 8.416.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lý Thị H2 số tiền 8.416.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lý Thị D số tiền 8.140.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Lưu M số tiền 7.380.000 đồng.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 2.700.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- THA HS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng (16)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (31). (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà